

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẾN TRE  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2025/DS-ST  
Ngày: 29/5/2025.  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trịnh Ngọc Hồng.
2. Ông Trần Văn Hưng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Diễm Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:**  
Bà Lư Ngọc Thiên An – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 427/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60a/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

Địa chỉ: Số A, đường P, phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S.

Địa chỉ: Số G, phố L, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường T - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh T2.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Quỳnh N – Chức vụ: Nhân viên quản lý tín dụng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 (nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S) - Chi nhánh T2 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố T, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông Đặng Thanh T1, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 (nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S) là bà Nguyễn Thị Quỳnh N trình bày:*

Ông Đặng Thanh T1 có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TNHH MTV S Chi nhánh T2 (sau đây viết tắt là V), chi tiết như sau: Khoản cấp tín dụng: Hợp đồng vay số: 0082580901T14034 ký ngày 27/10/2014. Số tiền vay: 59.000.000 VND (Bằng chữ: Năm mươi chín triệu đồng). Lãi suất vay trong hạn: 7,5%/năm, Lãi suất vay quá hạn: 11,25%/ năm. Thời hạn vay: Từ ngày 27/10/2014 đến 27/10/2016. Mục đích vay: Vay tiêu dùng trả góp. Biện pháp đảm bảo: Tín chấp. Trong quá trình vay, từ ngày 27/10/2014 đến ngày 20/4/2017, ông Đặng Thanh T1 chỉ trả được tổng số tiền: 45.742.125 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng). Trong đó: Vốn: 37.424.740 đồng, lãi trong hạn: 8.024.000 đồng, lãi quá hạn: 293.385 đồng. Do ông Đặng Thanh T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 04/6/2019, Vikki B đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 29/5/2025, ông Đặng Thanh T1 còn nợ tổng số tiền: 43.482.518 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm mười tám đồng), trong đó: Vốn: 21.575.260 đồng, lãi trong hạn: 826.000 đồng, lãi quá hạn: 21.081.258 đồng.

Nay Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S yêu cầu: Ông Đặng Thanh T1 trả ngay cho V tổng số nợ còn thiếu (gồm vốn, lãi trong hạn, lãi quá hạn) tính đến ngày 29/5/2025 là: 43.482.518 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm mười tám đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/5/2025 đến ngày ông Đặng Thanh T1 thực trả hết nợ cho Vikki B theo lãi suất quá hạn được quy định tại giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 09/10/2014. Ông Đặng Thanh T1 phải chịu mọi chi phí phát sinh.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Đặng Thanh T1 nhưng ông T1 vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn một số quy định của pháp luật về

lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định liên quan đến án phí, lệ phí:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S: buộc ông Đặng Thanh T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S tạm tính đến ngày 29/5/2025 là 43.482.518 đồng; trong đó: Vốn: 21.575.260 đồng, lãi trong hạn: 826.000 đồng, lãi quá hạn: 21.081.258 đồng, đồng thời có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Đặng Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Đặng Thanh T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Xét về nội dung yêu cầu khởi kiện: Ông Đặng Thanh T1 có quan hệ tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 (nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S), cụ thể:

[2.1] Khoản cấp tín dụng: Hợp đồng vay số: 0082580901T14034 ký ngày 27/10/2014. Số tiền vay: 59.000.000 VND (Bằng chữ: Năm mươi chín triệu đồng). Lãi suất vay trong hạn: 7,5%/năm, Lãi suất vay quá hạn: 11,25%/ năm. Thời hạn vay: Từ ngày 27/10/2014 đến 27/10/2016. Mục đích vay: Vay tiêu dùng trả góp. Biện pháp đảm bảo: Tín chấp. Trong quá trình vay, từ ngày 27/10/2014 đến ngày 20/4/2017, ông Đặng Thanh T1 chỉ trả được tổng số tiền: 45.742.125 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng). Trong đó: Vốn: 37.424.740 đồng, lãi trong hạn: 8.024.000 đồng, lãi quá hạn: 293.385 đồng. Do ông Đặng Thanh T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 04/6/2019, Vikki B đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 29/5/2025, ông Đặng Thanh T1 còn nợ tổng số tiền: 43.482.518 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm mười tám đồng), trong đó: Vốn: 21.575.260 đồng, lãi trong hạn: 826.000 đồng, lãi quá hạn: 21.081.258 đồng.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy: hợp đồng tín dụng (giấy đăng ký vay tiền trả góp kèm khế ước nhận nợ ngày 09/10/2014) giữa các bên Ngân hàng TMCP Đ1 – Chi nhánh T2 với ông Đặng Thanh T1 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên hợp đồng này có hiệu lực pháp luật ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.3] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đặng Thanh T1 đã thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, từ ngày 04/6/2019 ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ

quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đặng Thanh T1 thanh toán số tiền nợ vay tạm tính đến ngày 29/5/2025 là 43.482.518 đồng; trong đó: Vốn: 21.575.260 đồng, lãi trong hạn: 826.000 đồng, lãi quá hạn: 21.081.258 đồng và tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn được quy định tại giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 09/10/2014 từ ngày 30/5/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 (nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S) được chấp nhận nên buộc ông Đặng Thanh T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 43.482.518 đồng x 5% = 2.174.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024); Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 (nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S).

Buộc ông Đặng Thanh T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S (tính đến ngày 29/5/2025) tổng số tiền là 43.482.518 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm mười tám đồng), trong đó: Vốn: 21.575.260 đồng, lãi trong hạn: 826.000 đồng, lãi quá hạn: 21.081.258 đồng.

Đồng thời, ông Đặng Thanh T1 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn được quy định tại giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 09/10/2014 đã ký kết với ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 (nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S) từ ngày 30/5/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: buộc ông Đặng Thanh T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.174.000 đồng (Bằng chữ: Hai triệu, một trăm bảy mươi bốn ngàn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S) số tiền 1.053.000 đồng (Bằng chữ: Một triệu, không trăm năm mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005471 ngày 10/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Phòng TT, KT và THA  
TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Ngọc Đạt**